

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2026 (bổ sung).
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước ..09. giờ, ngày ..19../..01../2026
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Đường Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J25-244-pnathu).

TUO, GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh

Signature valid



CÔNG TY.....
MÃ SỐ THUẾ:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		THÔNG TIN NHÀ THẦU CHÀO GIÁ													Ghi chú
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	
1																Hợp đồng trúng thầu số... ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ... , Hợp đồng trúng thầu đáp ứng số lượng (nếu có)

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động trọng lượng 31 → 32g kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái kích thước ≤ 4.1F	Máy tạo nhịp tim 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích trong khoảng 13 - 14cm ³ , trọng lượng trong khoảng 31 - 32g - Tuổi thọ pin trung bình lên đến > 14 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc - Kèm dây điện cực HIS/ bó trái ≤ 4.1F Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
2	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc, trọng lượng khoảng 20 - 25g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc - Pin máy hoạt động ≥ 10 năm, tần số tạo nhịp cơ bản lên tới 200 lần/phút, trọng lượng khoảng 20 - 25g, dây 6 - 8mm - Hai dây dẫn tạo nhịp lưỡng cực dài ≥ 35cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO hoặc chứng nhận Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	3
3	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực, đặt vào cơ tim nhĩ hoặc thất phải - Chất liệu làm bằng Platinum/Iridium, dẫn bằng MP35N - Kích thước: từ 7 - 8Fr, chiều dài ≥ 35cm - Tiệt khuẩn - Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc chứng nhận CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn ISO	Cái	2
4	Dụng cụ đóng mạch máu với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép, bằng collagen bên ngoài	Dụng cụ đóng mạch máu với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép - Chất liệu collagen bên ngoài, chỉ tự tiêu, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 6Fr, 8Fr - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 70-75cm - 01 que nong - 01 dụng cụ mở đường Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	420
5	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch vành, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu lưới lọc: Nitinol - Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi. - Đường kính lưới lọc (filter) có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, độ dài dây dẫn ≥ 190cm - Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
6	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Có hình nón hoặc dạng hai đĩa - Có tối thiểu các cỡ 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	25

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên siêu cứng, đường kính 4.0 → 12mm, dài 2 → 10cm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên siêu cứng - Chất liệu composite với thiết kế dạng sợi bền hơn. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 10mm, 12mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 2cm, 4cm, 6cm, 8cm, 10cm - Chiều dài ống thông 50cm hoặc 75cm. - Tương thích với dụng cụ mở đường 6F / 7F / 8F. - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
8	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 12 → 26mm, dài 2 → 6cm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho các tĩnh mạch chậu - đùi - Đường kính có tối thiểu các cỡ 12mm, 14mm, 20mm, 26mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 2cm, 4cm, 6cm - Chiều dài Catheter: 80 hoặc 120cm - Áp suất ≤ 18atm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
9	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 → 4.0mm, dài 10 → 30mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 12 atm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	80
10	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0 → 4.0mm, dài 10 → 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài bóng có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14 atm - Có nghiên cứu lâm sàng ≥ 25000 Bệnh nhân Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
11	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 1.5 → 5mm, dài 10 → 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu bóng: Nylon 12 (Polyamid 12) - Đường kính bóng tối thiểu các cỡ: 1.50, 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.25; 3.50; 3.75, 4.00, 4.5, 5.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu đủ các cỡ: 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 12atm - Tương thích dây dẫn: 0.014" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
12	Bóng nong động mạch vành dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent	Bóng nong động mạch vành dạng cắt dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent - Chất liệu Nylon - 12, phủ lớp siêu ái nước, gắn 3 thành tố nylon dọc theo bên ngoài bóng với khoảng cách 120° - Đường kính bóng có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm - Dài ≥ 13mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14 atm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	190

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não, hỗ trợ thả coils - Chất liệu Pebax, Polyurethane - Đường kính trong khoảng 3 - 5mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 10mm, 30mm - Kèm vi dây dẫn 0.010" - Catheter mang bóng: dài trong khoảng 140 - 150cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
14	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh, cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm - Catheter thăm dò 22 điện cực, 05 nhánh, khoảng cách điện cực 2 - 6 - 2mm - Tương thích với "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D" hoặc "Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim loại cáp nối cho ≥ 20 điện cực" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	50
15	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115cm - Catheter thăm dò 10 điện cực, độ cong D; F, đầu điện cực dài 2mm, khoảng cách điện cực 2 - 8 - 2mm - Tương thích với "Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	30
16	Cáp nối catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định	Cáp nối catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định - Dài ≥ 150cm - Tương thích với "Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định, cỡ 4Fr, 5Fr" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	4
17	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, cỡ 5 → 7Fr, dài ≥ 25cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng ETFE - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr - Chiều dài ≥ 25cm 2. Dây dẫn nhỏ ≥ 0.035", dài ≥ 60cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	60
18	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, cỡ 4 → 9Fr, dài 11 → 70cm	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu 1. Chất liệu dụng cụ bằng nhựa mềm - Kích cỡ trong khoảng 4 - 9Fr - Dài trong khoảng 11 - 70cm 2. Kim luồn 3. Dây dẫn nhỏ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	400

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8 Fr, dài ≥ 115 cm - Đầu điện cực 3.5 mm, khoảng cách điện cực 1 - 6 - 2 mm - Ống dẫn ≥ 8.5 Fr - 2 độ cong có thể điều khiển (64 - 76 mm) / (76 - 102 mm) - Tương thích với "Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	95
20	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 1 chiều, cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 1 chiều - Cỡ 7 Fr, dài ≥ 115 cm - Đầu điện cực 4 mm, khoảng cách điện cực 1 - 7 - 4 mm - Tương thích với "Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 25pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	70
21	Ống thông hỗ trợ cấy điện cực tạo nhịp hệ thống dẫn truyền 3D	Ống thông hỗ trợ cấy điện cực tạo nhịp hệ thống dẫn truyền 3D tạo điều kiện để đưa dây điện cực tạo nhịp thất phải qua da. - Đường kính trong 7.0Fr - Đường kính ngoài 9.0Fr - Chiều dài > 40cm - Dụng cụ nong tương thích dây dẫn 0.035" Gồm: + Van cầm máu + Đầu nòng gắn chống bức xạ + Dụng cụ rạch	Cái	10
22	Đầu dò siêu âm mạch vành, tần số 60MHz, chiều dài ≥ 135 cm	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 60MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Có tối thiểu các cỡ 5Fr - Chiều dài ≥ 135cm - Tần số hoạt động 60MHz - Độ phân giải trục là 22 μm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
23	Miếng vá tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 4 x 6cm ($\pm 05\%$)	Miếng vá tim nhân tạo sinh học dùng tạo hình mạch máu - Chất liệu màng ngoài tim bò - Kích cỡ: 4 x 6cm ($\pm 05\%$), dày 0.55mm ± 0.2mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	42
24	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, đường kính 6.0 $\rightarrow$ 7.0mm, dài 40 $\rightarrow$ 150mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nitinol - Đường kính có thể cỡ 6mm, 7mm - Chiều dài trong khoảng 40 - 150mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 75cm; 130cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6F - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Van tim sinh học kèm ống ghép động mạch phổi, dài 100 → 120mm	Van tim sinh học kèm ống ghép động mạch phổi cho phẫu thuật tim - Chất liệu: được làm từ tĩnh mạch cánh của bò, có đánh dấu xác định vị trí van trong đoạn mạch máu - Kích cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm. Chiều dài trong khoảng 100 - 120mm. - Tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	7
26	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim heo	Bộ van tim động mạch chủ thay qua da, khung van loại tự bung - Chất liệu khung van bằng Nitinol, lá van làm bằng màng tim heo - Kích cỡ van có tối thiểu các cỡ 23mm, 26mm, 29mm, 34mm - Chiều cao van từ 45mm đến 55mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ nạp van - Catheter chuyển van trong khoảng 14Fr - 18Fr Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	6
27	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, khung van: cobalt chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò và lớp áo bên ngoài chất liệu polyethylene terephthalate (PET) - Đường kính có tối thiểu các cỡ 20, 23, 26, 29mm - Chiều cao van có tối thiểu các cỡ 15.5, 18, 20, 22.5mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van - Dụng cụ mở đường vào động mạch - Bóng nong: Thể tích bóng có tối thiểu cỡ 11, 17, 23, 33 ml - Dụng cụ bơm bóng Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
28	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim bò	Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Chất liệu khung van bằng hợp kim Cobalt, lá van làm bằng màng tim bò. lớp áo bên ngoài chất liệu polyethylene terephthalate (PET) - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 20mm, 23mm, 26mm, 29mm, 32mm - Thể tích bóng nong từ 12 ml đến 40 ml, tương ứng với kích cỡ van - Chiều cao khung van trong khoảng 15 - 25mm - Đường kính dụng cụ 14Fr Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
29	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, vòng van bằng hợp kim Coban chrom được phủ lớp Polyester	Van tim hai lá nhân tạo sinh học: - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung van bằng Nitinol, vòng van bằng hợp kim Coban-chrome được phủ lớp Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
30	Mạch máu nhân tạo 3 → 4 nhánh, tấm Gelatin	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu sợi Polyester ngâm tẩm gelatin - Nhánh chính: đường kính có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, chiều dài ≥ 40cm - Nhánh phụ: ba nhánh có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, chiều dài ≥ 15cm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van, dài 100 - 120mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van dùng trong phẫu thuật tim - Mạch máu làm từ màng ngoài tim bò, và có dạng xếp nếp. Van gắn trong đoạn mạch, các lá van được làm từ van tim của heo - Đường kính có tối thiểu các cỡ 13mm, 15mm, 17mm, 19mm, 21mm, chiều dài trong khoảng 100 - 120mm - Đặc điểm: loe 2 đầu trên dưới Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	Cái	5
32	Bộ dụng cụ cắt đốt lạnh điện sinh lý tim	Bộ dụng cụ điều trị rung nhĩ bằng triệt đốt lạnh - Catheter định vị dạng vòng (15cm hoặc 20 cm) có 8 điện cực, kích thước thân chỉ $\leq 3.3\text{Fr}$. - Catheter đốt lạnh với bóng bằng Polyurethane - đường kính khi phồng $\geq 23\text{cm}$ hoặc $\geq 28\text{cm}$, lái chuyển hướng 2 chiều 45 độ, đỉnh và thân bằng vật liệu tương thích sinh học Pebax, kích thước $\leq 10.5\text{Fr}$, dài $\geq 140\text{cm}$ Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
33	Ống thông hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ, dài > 60cm	Ống thông hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 8.5Fr - Chiều dài > 60cm - Lỗ bên có đường kính < 0.025" - Vô bện - Có van cầm máu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40
34	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi (Long sheath), cỡ 4Fr → 8Fr	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài $\geq 45\text{cm}$. tối thiểu có 2 cỡ - Tương thích với dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	30
35	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách, dài 70 → 72cm	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách điều khiển độ cong 2 chiều - Chiều dài trong khoảng 70 - 72cm - Đầu ống dẫn có cân bức xạ - Có van cầm máu - Tự động khóa - Thân kim dạng bện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
36	Túi bọc kháng khuẩn tự tiêu dùng cho các thiết bị điện tử cấy ghép tim mạch	Túi bọc kháng khuẩn máy tạo nhịp - Làm từ lưới dệt kim đa sợi bao gồm Glycolide, Caprolactone và Triethylene Cacbonat - Chứa các kháng sinh Rifampicin và Minocycline Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	26

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
37	Đầu nối Y có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận, dài tối đa 10cm	Đầu nối Y có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận - Chất liệu nhựa Polycarbonate - Dài tối đa 10cm, lòng trong tối thiểu 9F - Có nút thông gió để đuổi khí không cần mở van Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
38	Đầu nối Y loại ngắn có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận, dài 54 → 80mm	Đầu nối Y loại ngắn có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận - Chất liệu nhựa Polycarbonate - Dài có tối thiểu các cỡ 54mm, 78mm, 80mm, lòng trong tối thiểu 9F - Góc công kết nối có loại ≤ 30 độ Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	600
39	Kim chọc vách liên nhĩ, tương thích nòng kim dẫn đường 8 → 8.5Fr	Kim chọc vách liên nhĩ - Chất liệu thép không gỉ - Góc vát đầu kim trong khoảng 30° - 50° - Chiều dài trong khoảng 70 - 100cm - Tương thích với nòng kim dẫn đường trong khoảng 8 - 8.5Fr Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	35
40	Bơm tiêm cân quang 150ml tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7	Bơm tiêm cân quang: - Chất liệu ống tiêm Polycarbonate - Thể tích 150ml - Áp suất 1200psi - Bao gồm 01 xi lanh và 01 ống nạp nhanh - Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7 Arterion Injection System tại Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	700
41	Dây tạo nhịp bó His hoặc bó trái phủ thuốc Beclomethason tương thích MRI 1.5T và 3T	Dây tạo nhịp bó His hoặc bó trái phủ thuốc Beclomethason tương thích MRI 1.5T và 3T - Chất liệu đầu xoắn: Titanium Nitride phủ Platinum Alloy - Chất liệu cách điện: bên ngoài Polyurethane, bên trong Silicon và ETFE - Đường kính dây ≤ 4.1F - Chiều dài ≥ 69cm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
42	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực, dây điện cực dài ≥ 110cm	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực loại 5F - Chất liệu thép không gỉ - Dây điện cực dài ≥ 110cm - Đầu điện cực 5mm. Khoảng cách giữa 2 điện cực 10mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	65

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
43	Dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới qua da, loại 3 vòng	Dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới qua da, loại 3 vòng - Chất liệu: Ống bao ngoài được gia cố bằng sợi dây thép không gỉ. Dây bên trong bằng Nitinol. Lưới bẫy 3 vòng chất liệu Platinum - Kích thước + Ống bao ngoài 11F x 60cm + Ống bao trong 9F x 64cm + Ống nong 8F x 75cm + Ống thu lưới 7F x 76cm + Lưới bẫy 3 vòng 30mm x 93cm - Bao gồm: bộ chuyển đổi công chữ Y, tay cầm mô-men xoắn, van cầm máu có cổng bên phụ, Van khóa áp suất cao Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
44	Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa, dài 18 - 20cm	Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: inox, thép không gỉ - Cấu tạo: Một đầu hút cong, có dây thông tắc bằng thép không gỉ đi kèm. Một đầu có nhiều nấc giúp lưu giữ chắc chắn với dây hút nha khoa. Trên tay cầm có lỗ thông giúp điều khiển tắt, mở hút khi cần - Chiều dài: ≥ 175mm (có tối thiểu cỡ 175mm) - Đường kính trong: trong khoảng 1.5 - 5mm (có tối thiểu 4 cỡ: 1.5; 3.0; 4.0; 5.0mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	65
45	Bơm tiêm nha	Bơm tiêm nha dùng để lắp ống thuốc tê nha và kim tê nha trong gây tê vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ mạ Crôm - Kích thước: chiều dài trong khoảng 11 - 12cm - Dung tích: trong khoảng 1.8ml - 2.2ml (tối thiểu 2 cỡ: 1.8ml, 2.2ml) - Cấu tạo: Gồm ống bơm và cán đẩy trong lòng ống, cán tay cầm có thể xoay, đầu tiếp nối kim có rãnh xoắn thích hợp với kim gây tê nha khoa các loại. Có 2 loại: hút ngược và không hút ngược. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	14
46	Nhám kẽ	Nhám kẽ dùng để đánh bóng vị trí tiếp xúc mặt bên của răng sau khi trám - Chất liệu: inox, thép không gỉ - Kích thước: + Chiều ngang có tối thiểu các cỡ 2.6, 3.3, 4.0mm + Độ dày có tối thiểu các cỡ 50, 70, 90, 140μm - Có 4 màu sắc (đỏ, xanh dương, vàng, xanh lá) tương ứng với độ nhám mịn khác nhau (200, 300, 600, 1000 mesh) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50
47	Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miềng trám răng	Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miềng trám răng - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: dẹp, mỏng, dẻo, dễ uốn cong. Có 2 loại: trơn và đục lỗ. - Độ dày: ≥ 0.04mm - Quy cách đóng gói: 12 cái/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	720
48	Chêm gỗ	Chêm gỗ dùng chèn chặt các dụng cụ hỗ trợ trám, phục hình răng, chỉnh nha - Chất liệu: gỗ - Kích thước: Size XS (màu xanh dương), size S (màu xanh lá), size M (màu vàng), size L (màu tím). - Cấu tạo: hình tam giác, trơn, một đầu nhọn đẹp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	70

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Cây trám Composite	Cây trám Composite là công cụ làm lán, mịn bề mặt chất phủ trám răng bằng vật liệu composite, tạo hình thể răng như mong muốn - Chất liệu: thép không gỉ - Tay cầm dài trong khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15, 20cm), bề mặt nhám, có mã hóa màu theo các size (có tối thiểu 5 màu: đỏ, xanh dương, xanh lá, trắng, vàng) - Đầu trám: dày trong khoảng 0.1 - 0.2mm (có tối thiểu 2 cỡ: 0.1 và 0.2mm), đường kính: trong khoảng 0.9 - 3.2mm (có tối thiểu 4 cỡ: 0.9, 1.5, 1.6, 3.2mm) - Hai đầu được phủ lớp chống dính, hình dạng: tam giác, tròn, lưỡi liềm, dẹp, xoay hai hướng đối chiều nhau - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	73
50	Cây trám răng các loại	Cây trám các loại dùng để đưa vật liệu trám răng vào các vùng răng sâu trong trám răng - Tay cầm dài trong khoảng 10 - 20cm (có tối thiểu 3 cỡ: 10, 15, 20cm), đường kính: trong khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 3 cỡ: 6, 7, 8mm), bề mặt nhám - Đầu trám nhiều hình dạng: tròn, dẹp, trụ, nhám. Đầu cứng, lán, nhiều kích cỡ, đường kính: trong khoảng 1.0 - 3.5mm (có tối thiểu 5 cỡ: 1.0, 1.5, 2.2, 2.5, 3.5mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	55
51	Cây nạo ngà răng	Cây nạo ngà răng lấy mô ngà mủn, ngà hư trong thủ thuật trám răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài trong khoảng 15 - 20cm, bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, đường kính: trong khoảng 1.5 - 2 mm, cứng, bén, hai đầu nạo đối chiều nhau, nhiều hình dạng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
52	Dao làm sáp, các cỡ	Dao làm sáp, các cỡ dùng trong phục hình nha khoa - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: $\geq 145\text{mm}$ - Đầu dao nhiều kích cỡ, 1 đầu hoặc 2 đầu, thẳng, cong, lòng máng, nhọn, tù. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	70
53	Cây móc phẫu thuật nha khoa	Cây móc phẫu thuật nha khoa là công cụ giữ, kéo mô cơ niêm mạc dùng trong thủ thuật, phẫu thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Tay cầm: dài trong khoảng 10 - 20cm (có tối thiểu 3 cỡ: 10, 15, 20cm), đường kính trong khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 3 cỡ: 6, 7, 8mm), bề mặt nhám - Đầu móc đơn hoặc đôi có hai đầu đối chiều nhau - Đầu móc cong hình lưỡi liềm, bén cứng, nhọn, tiết diện nhỏ, thẳng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
54	Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D	Mẫu hàm 3D trong phục hình (lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D) được lấy trên miệng người bệnh nhờ phương pháp kỹ thuật số bằng máy scan trên miệng người bệnh. Lấy dấu chính xác, tránh kích ứng với chất lấy dấu theo kiểu lấy dấu bằng chất lấy dấu, hoặc cho các chỉ định chỉnh nha, phục hồi các răng mất - Cấu tạo: 01 hoặc 02 hàm - Chất liệu: Nhựa Acrylic - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm. - Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	140
55	Nhíp phẫu thuật có máu/không máu	Nhíp phẫu thuật có máu/không máu giúp kẹp và giữ chặt mô, cơ trong suốt quá trình phẫu thuật thủ thuật - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: trong khoảng 120 - 150mm (có tối thiểu 2 cỡ: 120, 150mm) - Đầu nhíp không máu: $\leq 1.0\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 1.0mm) - Đầu nhíp có máu: $\leq 1.2\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 1.2mm) - Cấu tạo: Mặt trong đầu nhíp nhám giúp giữ chặt mô cơ. Tay cầm có khóa, vạch tạo độ nhám - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	50

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
56	Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cỡ	Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cỡ dùng phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: trong khoảng 80 - 150mm (có tối thiểu 5 cỡ: 80, 100, 110, 120, 150mm) - Đầu nhọn, mảnh - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	30
57	Giấy kiểm tra khớp cắn	Giấy cần ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng - Chất liệu: giấy, nhiều màu: xanh, đỏ - Độ dày: > 100µm (tối thiểu có cỡ 101µm) - Yêu cầu: Các dấu cần được ghi lại chính xác nhờ các chất chuyển màu trong giấy cần được lưu giữ lại trên răng khi thử khớp - Quy cách: xấp tối thiểu 12 tờ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Xấp	1.840
58	Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt	Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: ≥ 134mm (có tối thiểu cỡ 134mm) - Cấu tạo: đầu kẹp thẳng, đầu bo tròn, có rãnh khía giúp giữ chắc kim khâu không trơn trượt - Tương thích với kim khâu có đường kính trong khoảng 0.38 - 0.63mm - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	40
59	Dụng cụ banh môi má dùng trong chỉnh nha	Dụng cụ banh môi, má dùng trong chỉnh nha sử dụng banh, giữ môi má, mở rộng miệng trong quá trình chỉnh nha. - Chất liệu: Nhựa - Kích thước: size S, M, L - Quy cách đóng gói: ≥ 40 cái/hộp - Cấu tạo: Tay cầm hình phễu có khoảng mở co giãn tùy theo khuôn miệng, đầu banh miệng cong hình lòng máng, ôm trọn viền môi má, tránh trơn trượt và tổn thương môi má, niêm mạc	Cái	24
60	Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt	Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt sử dụng banh, giữ môi má mở rộng trong quá trình phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ và silicone - Kích thước: trong khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15cm, 20cm) - Cấu tạo: Tay cầm gắn trực có răng cưa hoặc không, tạo trong khoảng mở cố định, đầu banh miệng cong hình phễu - Lực cần: ≤ 1400N (có tối thiểu cỡ 1400N) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	14
61	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan dùng để bôi trơn tay khoan giúp gia tăng tuổi thọ của vòng bi và tay khoan trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Dầu có độ tinh khiết tối đa - Chịu được nhiệt cao khi hấp tiệt trùng - Không chứa các thành phần độc hại, không gây hại cho cơ thể người và thân thiện với môi trường - Tương hợp vật liệu cao, bảo vệ an toàn cho độ bền của các bộ phận nhựa, ron cao su, thủy tinh... - Thể tích: ≥ 400ml - Chai dạng xịt kèm nắp xịt tương thích cho tất cả các tay khoan nha khoa chậm, nhanh, thẳng, khuỷu. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	10
62	Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ 11, 15	Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ số 11, 15 - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài các cỡ trong khoảng 10 - 15cm (có tối thiểu cỡ 12.5cm) Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	65

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
63	Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc, mặt cắt tam giác	Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc dùng nong bằng tay - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình tam giác, nhiều gai sắc bén + Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy - Kích cỡ + Độ thuận: $\geq 2\%$ + Chiều dài: trong khoảng 18 - 31mm (có các cỡ 18, 21, 25, 28, 31mm). + Nút chặn silicon - Các cỡ: từ số 45 đến số 140 - Góc xoay khi làm việc 90 độ - Quy cách đóng gói: 6 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	702
64	Dụng cụ nội nha tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn mặt cắt hình vuông, hình tam giác	Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình vuông, hình tam giác, nhiều gai sắc bén + Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: từ số 6 đến số 40 + Mặt cắt hình tam giác: từ số 45 đến số 140 - Chiều dài: + Trong khoảng 18 - 31mm (có tối thiểu 5 cỡ: 18, 21, 25, 28, 31mm) + Nút chặn silicon - Độ thuận: $\geq 2\%$ - Góc xoay khi làm việc 120 độ - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	930
65	Chốt đặt cố định trong ống tủy	Chốt đặt cố định trong ống tủy dùng trong điều trị tủy răng, phục hình thân răng có chốt - Thành phần: Titanium - Có tối thiểu 4 cỡ: 6.25mm x 2mm, 7.5mm x 2mm, 9.25mm x 2.25mm, 11mm x 2.5mm - Đường kính: trong khoảng 0.8mm - 1.0mm (có tối thiểu cỡ 0.8mm) - Cấu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dần đều phù hợp với độ thuận của ống tủy, dễ bẻ cong theo hình dạng ống tủy - Đóng gói: ≥ 25 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	180
66	Cây lên dọc hoặc ngang	Cây lên dọc hoặc ngang dùng để lên và chèn vật liệu trám răng vào buồng tủy và ống tủy trong điều trị nội nha - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm: chiều dài: trong khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15cm, 20cm), đường kính: trong khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 2 cỡ: 6mm, 8mm), bề mặt nhám - Một đầu hoặc hai đầu lên dài: trong khoảng 23 - 28mm (có tối thiểu 2 cỡ: 23mm, 28mm), đường kính: trong khoảng 0.25mm - 0.6mm (có tối thiểu 3 cỡ: 0.25, 0.4, 0.6mm), độ thuận $\leq 3\%$ (có tối thiểu 1 cỡ 3%) nhọn, gập góc trong khoảng 90 độ - 120 độ (có tối thiểu 2 cỡ: 90 độ và 120 độ) - Đầu cây lên cứng, láng, nhiều kích cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
67	Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nướu dùng trong điều trị nha chu viêm	Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nướu dùng trong điều trị nha chu viêm bằng sóng siêu âm với nhiều cường độ khác nhau - Chất liệu: Thép không gỉ Titanium - Cấu tạo: + Cán (tay cầm) kết nối tay máy của máy lấy vôi + Thân có chiều dài trong khoảng 10 - 20cm + Đầu lấy vôi kết nối đường dẫn nước. Hình dạng đầu lấy vôi nhiều hình dạng: cong, thẳng, đẹp, nhọn hoặc tù phù hợp cho lấy vôi trên và dưới nướu - Tương thích máy lấy vôi dentsply Professional của Bệnh viện - Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	60

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Chổi đánh bóng nha chu	Chổi đánh bóng nha chu được sử dụng trong việc đánh bóng, làm sạch lại bề mặt răng sau thủ thuật điều trị nha chu - Đầu chổi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chổi bằng thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng 2.5 - 3cm. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	780
69	Cây nạo nha chu viêm	Cây nạo nha chu viêm dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở vùng nướu viêm và vùng phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài: trong khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu cỡ 15cm), đường kính $\leq 6.5\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 6.5mm), bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, dẹp dài, đầu vát tròn, cứng, bén, đường kính trong khoảng 1.9 - 2.0mm (có tối thiểu 2 cỡ: 1.9, 2.0mm) - Đầu nạo gấp khúc, 2 đầu nạo đối chiều nhau - Chiều dài đầu nạo trong khoảng 2 - 3cm (có tối thiểu 3 cỡ: 2, 2.5, 3cm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	35
70	Ron mắc cài đơn	Ron mắc cài đơn có tác dụng kết nối giữa hàm khung liên kết và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả. - Chất liệu: Cao su - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ - Tương thích với mắc cài đơn cùng hãng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	2
71	Ống dán trực tiếp răng hàm	Ống dán trực tiếp răng hàm dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, được gắn trực tiếp răng hàm, răng cối nhỏ hàm dưới. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo dạng một, hai hoặc ba ống tạo thành khối, lòng ống vuông hoặc tròn nhiều kích cỡ, có chia theo các phân hàm (trái, phải) - Đường kính ống trong khoảng 0.018 - 0.022 inch (có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 và 0.022 inch) - Kích thước rãnh giữa các ống: có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 x 0.027 inch, 0.018 x 0.031 inch - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
72	Dây thép buộc chỉnh nha (dạng sợi thẳng)	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, nghiêng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính trong khoảng 0.012 - 0.045 inch (tối thiểu 13 cỡ tròn, tối thiểu 7 cỡ chữ nhật) - Hình dạng: sợi thẳng, tiết diện tròn, chữ nhật, vuông. Dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng	Ống	70
73	Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ	Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ trong các chấn thương vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Kích thước: đường kính 0.5mm $\pm$ 0.01mm - Chịu lực nén: trong khoảng 1800 - 2000N/mm ² - Chiều dài: $\geq 50\text{m}$ /cuộn	Cuộn	20
74	Dây thép buộc chỉnh nha (dạng cuộn)	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, nghiêng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước đường kính: trong khoảng 0.009 inch (0.23mm) - 0.014 inch (0.36mm) (có tối thiểu 5 cỡ: 0.009 inch (0.23mm), 0.010 inch (0.25mm), 0.011 inch (0.28mm), 0.012 inch (0.30mm), 0.014 inch (0.36mm)) - Trọng lượng: $\geq 500\text{g}$ - Hình dạng: dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng	Cuộn	15
75	Cây ấn khâu	Cây ấn khâu dùng để hỗ trợ tạo lực đẩy khâu răng xuống thân răng, bao trùm xung quanh răng khít sát với thân răng. Giúp đặt khâu và làm lành bờ khâu - Chất liệu: thép không gỉ - Cán (tay cầm): dài trong khoảng 10 - 12cm (có tối thiểu 2 cỡ: 10cm; 12cm), có vân nhám chống trượt - Đầu ấn khâu nhám, có vân nhỏ, hình tam giác - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	25

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
76	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 1 trụ chân răng	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 1 trụ chân răng tiếp theo giúp nâng đỡ cho phục hình hàm nhựa phủ trong phục hình Implant. - Cấu tạo: Thanh bar cad/cam Titan được tiếp nối với thanh nâng đỡ trên 1 trụ chân răng tiếp theo. - Chất liệu: Titanium nguyên khối hoặc kết hợp với thoi Zirconium. - Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng được lấy dấu trên miệng của người bệnh, đúng chỉ định của Bác sĩ - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	25
77	Dụng cụ nạy chân răng các loại	Dụng cụ nạy chân răng các loại dùng để lấy chân răng trong các thủ thuật, phẫu thuật nhổ răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: dài trong khoảng 10 - 15cm - Cấu tạo: bao gồm tay cầm và đầu nạy + Tay cầm hình trụ trơn một đầu, bề mặt nhám + Đầu nạy nhiều hình dạng: lòng máng, nhọn, đặc, lưỡi hái - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	85
78	Cây nạo ổ răng	Cây nạo ổ răng dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở ổ răng và vùng phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài trong khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu cỡ 15cm), bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, chiều dài trong khoảng 2.8 - 7.0mm (có tối thiểu 7 cỡ: 2.8; 3.6; 4.0; 4.4; 5.0; 6.0; 7.0mm), chiều ngang trong khoảng 2.0 - 5.0mm (có tối thiểu 4 cỡ: 2.0; 2.5; 3.0; 5.0mm), sắc bén - Đầu nạo gấp khúc tạo thành góc trong khoảng 90 độ - 180 độ (có tối thiểu 2 cỡ: 90 độ, 180 độ), 2 đầu nạo đối chiều nhau - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
79	Cây dũa xương trong phẫu thuật hàm mặt	Cây dũa xương dùng để lấy đi phần xương dư thừa, làm mịn, nhẵn vùng xương sau thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài cây dũa xương: trong khoảng 18 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 18cm; 20cm) - Đầu dũa xương: chiều ngang trong khoảng 4.0 - 9.5mm (có tối thiểu 5 cỡ: 4.0mm; 5.0mm; 5.5mm; 5.8mm; 9.5mm), chiều dài trong khoảng 12 - 27mm (có tối thiểu 5 cỡ: 12; 15; 17; 18; 27mm) - Đầu dũa xương các cỡ: chiều ngang trong khoảng 4.0 - 9.5cm, chiều dài trong khoảng 12 - 27mm - Một hoặc hai đầu dũa xương nghiêng 2 chiều, bề mặt nhám, bén - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
80	Cây đục xương	Cây đục xương dùng để gọt, lấy đi phần xương dư thừa hoặc xương bệnh lý tạo hình xương trong thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài cây đục xương: 180mm ± 5mm (tối thiểu có cỡ 180mm) - Đầu đục xương sắc bén, phẳng - Hình dạng đầu đục xương: hình thang, chóp, tù, nhọn. - 2 đầu cong ngược chiều nhau, độ mở rộng trong khoảng 2.0 - 3.5mm (có tối thiểu các cỡ: 2.0mm; 2.5mm, 3.0mm và 3.5mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	30
81	Cây bóc tách màng xương, nướu	Cây bóc tách màng xương, bóc tách nướu vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài trong khoảng 10 - 12cm (có tối thiểu 2 loại: 10cm, 12cm), có vân chống trơn trượt - 2 đầu bóc tách nhiều hình dạng: tam giác, hình lòng máng, nhọn, tròn. - Độ dày: trong khoảng 3.0 - 10mm (có tối thiểu các cỡ: 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 7.0; 7.5; 8.0; 10mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	40

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem nằm trong nhóm xi măng hàn răng được sử dụng để đặt khử trùng tạm thời vào chỗ bít tắc của ống tủy, có thể được sử dụng trong kỹ thuật gián tiếp và trực tiếp, điều trị tủy nhiễm trùng - Thành phần: Canxi hydroxit - Độ pH: trong khoảng 12 - 13 - Dạng hỗn hợp kem mịn, cân quang - Trọng lượng: 1.5g x 2 ống/hộp - Sử dụng kèm vật liệu chữa tủy răng các loại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ống	30
83	Vật liệu gắn tạm cầu mào răng	Vật liệu gắn tạm cầu mào răng dùng để gắn tạm các răng tạm, gắn tạm mào răng, cầu răng, gắn cầu và mào trên trụ implant...Đặc biệt phù hợp để sử dụng cho người bệnh nhạy cảm với Eugenol - Thành phần: trong khoảng 80 - 90% Zinc Oxide, không chứa Eugenol - Dạng: hỗn hợp sệt và chất xúc tác - Thời gian trộn ≥ 30 giây. - Tổng thời gian làm việc từ lúc trộn ≥ 1 phút 30 giây - Thời gian đông sau khi trộn ≥ 3 phút 30 giây - Đóng gói gồm 2 lọ (01 lọ 30g + 1 lọ 13g chất xúc tác) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	40
84	Thước đo chiều dày lòng mào răng	Thước đo chiều dày lòng mào răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Hình dạng thước: dài và tam giác - Cấu tạo: hình tam giác kết nối bởi ba thanh, cạnh đáy có chia vạch. - Chiều dài: ≤ 130mm (có tối thiểu cỡ 130mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	15
85	Thước đo chiều dài ống tủy	Thước đo chiều dài ống tủy - Chất liệu: nhựa cứng - Cấu tạo: có vạch chia và các lỗ chia tương ứng kích thước trong khoảng 12 - 27mm, có các cỡ 12, 13, 14, 16, 18, 20, 24, 27mm tương ứng với chiều dài ống tủy - Chiều dài: trong khoảng 10 - 15cm - Tương đương với chiều dài của các dụng cụ điều trị ống tủy - Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
86	Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại	Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex - Cấu tạo: hình chuỗi dài nhiều lỗ liên tiếp. - Chiều cao đàn hồi thun có thể đạt được là trong khoảng 0.015" - 0.030" (có tối thiểu 3 cỡ: 0.015", 0.025", 0.030") - Màu sắc: nhiều màu (tối thiểu 24 màu) - Đóng gói: Cuộn/ ≥ 15ft (tối thiểu có cỡ 15 ft) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cuộn	120
87	Mắc cài sứ	Mắc cài sứ là vật liệu nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha thẩm mỹ - Chất liệu: sứ đơn tinh thể, màu trong suốt - Cấu tạo: bề mặt siêu mịn, mặt lưng có rãnh lưới, bo tròn góc cạnh, hình vòm, không bám bẩn, không đổi màu. Chống gãy vỡ-men xoắn cao hơn ba lần so với mắc cài đa tinh thể. Để phù hợp alumina. - Cánh buộc được thiết kế với bán kính nhẵn ở phần gốc của mỗi cánh - Độ dày cánh buộc giảm trên mỗi mắc cài - Quy cách: ≥ 20 cái/bộ Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	21
88	Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ	Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ - Chất liệu: kim loại không gỉ - Kích thước: rãnh (khe) trên mắc cài 0.022 ± 0.001 inch (0.56 ± 0.01mm) - Sắp xếp: Một bộ bao gồm 20 mắc cài tương đương vị trí 20 răng trên cung hàm - Cấu tạo một mảnh mắc cài: + Cạnh bo tròn + Chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài + Trên mỗi mắc cài có đánh số tương đương vị trí của răng + Mặt lưng có rãnh lưới + Trên mắc cài có các đường giữa giúp gắn chính xác trên răng + Có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây - Tương thích với các dây cung, dây thun các loại - Bộ tối thiểu 20 cái - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Bộ	75
89	Mắc cài đơn	Mắc cài đơn liên kết giữa hàm khung và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả - Chất liệu: kim loại không gỉ - Sắp xếp đơn lẻ, phù hợp hình thể của mỗi răng - Cấu tạo: + Có chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài và có đánh số tương đương với vị trí từng răng + Mặt lưng có rãnh lưới, cạnh bo tròn + Trên mắc cài có các đường giữa, có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh - Tương thích với các dây cung, dây thun các cỡ - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	40
90	Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm, các cỡ	Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm giữa các răng trong nắn chỉnh răng - Chất liệu: Niken titan - Chiều dài các cỡ: trong khoảng 9 - 12mm (có tối thiểu 2 cỡ: 9, 12mm) - Lực kéo: trong khoảng 75 - 250g (có tối thiểu 4 cỡ: 75; 150; 200; 250g) - Cấu tạo: hai đầu hình tròn dẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa	Cái	30

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
91	Kèm nhỏ răng các loại	Kèm nhỏ răng các loại dùng nhỏ răng, chân răng hư, phần xương dư, trong các phẫu thuật thủ thuật nhỏ răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: dài trong khoảng 200 - 250mm (có tối thiểu 3 cỡ: 200; 230; 250mm) - Đầu kèm tròn, nhọn, cong với nhiều hình dạng phù hợp với chỉ định nhỏ từng loại răng khác nhau - Tay cầm bề mặt nhám hình thoi. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	15
92	Kèm đa năng nha khoa	Kèm đa năng dùng trong chỉnh nha (niềng răng) - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài: trong khoảng 133 - 140mm (có tối thiểu 2 cỡ: 133; 140mm) - Khoảng cách giữa hai tay cầm: trong khoảng 48 - 50mm (có tối thiểu 2 cỡ: 48 và 50mm) - Đầu kèm có hình dạng: nhọn (chiều ngang $\leq 0.25\text{mm}$) (có tối thiểu cỡ 0.25mm), tròn (đường kính $\geq 3\text{mm}$) (có tối thiểu cỡ 3mm). - Ốc vít gắn hai tay kèm có đường kính: trong khoảng 10 - 11.5mm (có tối thiểu 2 cỡ: 10 và 11.5mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	4
93	Kèm cắt xương nha khoa	Kèm cắt xương nha khoa giúp lấy bớt phần xương dư, làm nhẵn các gờ xương trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt như tạo hình xương ổ, tạo hình xương hàm, lấy mô mềm lớn - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: trong khoảng 150mm - 152mm (có tối thiểu 2 cỡ: 150mm; 152mm) - Đầu kèm cong: 90 độ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	7
94	Kèm cắt dây cứng trong chỉnh nha	Kèm cắt dây cứng trong thủ thuật, phẫu thuật chỉnh nha - Chất liệu: thép không gỉ, chống chói. - Chiều dài: $\geq 125\text{mm}$ - Gập góc: 45 ± 5 độ - Cấu tạo: đầu cắt tù hình bán nguyệt, lưỡi cắt sắc bén, cắt dây chỉnh nha loại cứng có đường kính $0.41 \times 0.55\text{mm}$ ($0.016" \times 0.021"$) - Yêu cầu: giữ dây khi cắt. - Chui cầm mạ vàng. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	5
95	Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não dùng cho trẻ sơ sinh, tương thích máy Invos 5100C	Đầu đo oxy máu não dưới mô, không xâm lấn dành cho trẻ sơ sinh - Chất liệu: không latex có lớp keo dính - Kích thước cảm biến: 6.9 cm x 2.5 cm - Bộ cảm biến đo vi mạch không xâm lấn bằng cách sử dụng ánh sáng cận hồng ngoại. Được thiết kế bước sóng kép nhận tín hiệu quang từ người bệnh gửi tới hệ thống xử lý. - Tương thích với máy INVOS 5100C của Bệnh viện Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
96	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính ngoài $\leq 19\text{ mm}$ - Góc vát xiên - Có rãnh cố định thông lọng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận EU (Châu Âu)	cái	15
97	Lưỡi dao bào da	Lưỡi dao bào da dùng trong phẫu thuật ghép da: - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài 160 mm ($\pm 3\text{ mm}$) * Chiều rộng 20 mm ($\pm 2\text{ mm}$) * Bề dày 0.25 mm ($\pm 0.2\text{ mm}$) - Đặc tính: hình chữ nhật, có 3 lỗ để gắn vào cán dao bào - Tương thích với cán dao Watson - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	Dao cắt vách nang giả tụy	Dao cắt vách nang trong dẫn lưu nang giả tụy - Đường kính dây dẫn dụng cụ 1.8 ± 1 mm - Chiều dài dụng cụ ≥ 2100 mm - Dây dẫn tương thích $\leq 0.035"$ - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận EU (Châu Âu)	cái	1
99	Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm	Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm - Chất liệu: Nitinol - Có lỗ bên - Chiều dài kim 80 ± 01 mm - Đường kính kim 19G, 22G - Chiều dài làm việc ≥ 1400 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Chứng nhận EU (Châu Âu)	cái	60
100	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, có bóng cố định	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, có bóng cố định * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	800
101	Lưỡi dao lấy da	Lưỡi dao lấy da - Chất liệu: bằng thép không gỉ. - Kích thước: $90 \times 18.8 \times 0.38$ mm - Thiết kế: thiết kế đối xứng, đường viền đôi - Tiệt khuẩn và đóng gói riêng biệt từng cái - Tương thích dao lấy da 4.D80STS của bệnh viện Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	cái	120
102	Thớt đỡ da	Thớt đỡ da - Chất liệu: polypropylene - Thiết kế: Thớt đỡ khía hình chữ V giúp tránh các chuyển động sang bên - Chiều dài 280 mm, độ rộng 78.8 mm - Tiệt khuẩn và đóng gói riêng biệt từng cái - Tương thích với dao khía da mắt lưới 6.HM01 của bệnh viện Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	cái	120
103	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7 - 8mm	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da - 01 ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ + Chất liệu: nhựa PVC + Kích thước: đường kính trong 7 - 8mm, đường kính ngoài 10.5 - 13.5mm, chiều dài 70 - 82mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ + Bóng tròn loại soft-seal mềm mại + 02 nòng trong, đầu tròn, có mẫu ngắt, đầu nối tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Đi kèm: 02 đầu nong, dao mổ 11, kim tiêm, ống tiêm, dây dẫn, đầu dẫn, cây chèn mở khí quản, dây cố định mở khí quản, chổi làm vệ sinh nòng trong, gạc thấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	70

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
104	Gen định hình sau phẫu thuật ngực	Gen định hình sau phẫu thuật ngực, các cỡ tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : 80 - 85% polyamide, 16 - 20% elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	180
105	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/hút mỡ bụng bằng vải kép: + Lớp vải ngoài: 55-60% polyamide, 40-45% elastane + Lớp vải trong: 75-80% polyamide, 20-25% elastane - Kích cỡ: 4XS, 3XS, 2XS, XS, S, M, L, XL, 2XL, 3XL - Không chứa latex, không gây dị ứng - Đạt chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) hoặc chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc Đạt chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	110
106	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP hoạt hóa cơ học dùng điều trị cho da liễu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP hoạt hóa cơ học - Ống nghiệm lấy máu chân không ACD chứa gel - Thân ống bằng thủy tinh, có nắp kết nối nút cao su bromobutyl - Trong ống chứa gel phân tách và chất chống đông - Nồng độ huyết tương giàu tiểu cầu lên đến ≥ 4 lần ban đầu - Màng lọc vô trùng - Thời gian ≤ 20 phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	80
107	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP hoạt hóa cơ học - Ống nghiệm lấy máu chân không ACD chứa gel - Thân ống bằng thủy tinh, có nắp kết nối nút cao su bromobutyl - Trong ống chứa gel phân tách và chất chống đông - Nồng độ huyết tương giàu tiểu cầu lên đến ≥ 4 lần ban đầu - Màng lọc vô trùng - Thời gian ≤ 20 phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	220
108	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi, hạn chế di lệch khớp gối bằng bản lề khóa quay số điều chỉnh. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ở khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút đệm kim đệm dây và êm, các dây đai bằng vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52 ± 1cm, đường kính ở khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6.5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	175

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
109	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3 x 2 x 11cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3
110	Nẹp cẳng tay	Nẹp cẳng tay dùng để cố định chấn thương gãy xương bong gân cẳng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Cấu tạo: được làm từ vật liệu tự định, mút xốp, vải cotton, thanh nẹp hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nẹp đàn hồi, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) tạo nên tính cố định - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	75
111	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai	Băng cố định chóp xoay khớp vai tư thế dùng bán cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai - Chất liệu: vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: có gối đi kèm, giúp tay dạng ra 15-30 độ, phù hợp cho cả vai phải và vai trái - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 25-30cm, 30-35cm, >35cm (tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	110
112	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, dải hấp phụ từ 05-30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kỳ - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer) - Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: 130 $\pm$ 2mL - Thể tích khoang máu: 114 $\pm$ 2mL - Nội trở: ≤ 4 kPa - Lưu lượng máu tối đa: 450 $\pm$ 2mL/phút - Áp suất chịu đựng: 100 $\pm$ 2kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1 $\pm$ 2N - Dải hấp phụ: 05 - 30kDa - Tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8-31.5% - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
113	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.35 m ²	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene - Diện tích bề mặt màng lọc 0.35m ² - Thể tích máu trong sợi lọc 41 mL $\pm 10\%$ - Thể tích máu khoảng 125 $\pm$ 1mL - Đường kính trong của sợi lọc (khí ướt) 330 μ m, độ dày thành sợi lọc 150 μ m - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 mL $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 mL/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 mL/phút - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
114	Bộ catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Bộ catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh dùng đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc - Chất liệu bằng polyurethane - Gồm: + 1 catheter đường kính 2Fr, chiều dài khoảng 4cm -10cm, có ít nhất 3 kích cỡ 4cm, 6cm, 8cm; + 1 kim dẫn đường cỡ 21G hoặc 22G chiều dài 42 ± 1mm; + 1 guidewire 23 ± 1cm, đường kính 0.45 - 0.47mm; - Tốc độ truyền dịch khoảng 12 - 20 mL/phút - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	150
115	Ống nối chữ Y	Ống nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu - Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt - Kích cỡ: 1/4x1/4x1/4; 1/2x3/8x3/8; 3/8x3/8x3/8; 1/4 x 3/16 x 3/16; 3/8x3/8x1/4 - Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	900
116	Ống nối thẳng con sò	Ống nối thẳng con sò - Chất liệu: nhựa, trung tính, có tính chịu lực, chịu nhiệt cao - Chiều dài 61-63mm, rộng 20-21mm, đường kính trong 5.5 - 6.0mm, đường kính khớp chặn 9.5 - 10mm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.200
117	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 12 → 16Fr	Bộ dây hút đàm kín dùng để hút đàm cho người bệnh có đặt ống nội khí quản hoặc mở khí quản Cấu tạo: - Ống hút bằng nhựa PVC, thân trơn nhẵn, có cân quang, có vạch chia. Đường kính ngoài 4.0 - 5.3mm, dài 45 - 57cm - Kích cỡ: 12 → 16Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Đầu ống kiểu Mully bo tròn có 3 lỗ hút: 1 lỗ lớn ở đầu xa và 2 lỗ hút hỗ trợ ở 2 bên. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng, mềm chắc, trong suốt - Van mở và khóa đường luồn ống hút bằng Polypropylene, dạng núm xoay, có chỉ báo vị trí đóng/mở - Van rửa một chiều. Đầu nối với hệ thống hút: bằng Polypropylene, tương thích với hệ thống hút đàm tại Bệnh viện - Co nối T với ống nội khí quản/ mở khí quản - Phụ kiện đi kèm: Co nối - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	320
118	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa PVC, cỡ 32Fr	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi - Chất liệu: PVC cân quang - Cỡ 32Fr, dài 44 - 46 cm, đường kính trong: 6.5 - 8.5mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu; thân ống vạch cân tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	cái	350

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
119	Ống thông tiểu 1 nhánh	Ống thông tiểu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone hoặc PVC - Kích cỡ: 6 - 24Fr (tối thiểu 10 cỡ), chiều dài khoảng 40 - 43cm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.200
120	Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn bằng Polyvinylchlorua, cỡ 2.5 - 8.5	Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn - Chất liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone tương thích sinh học, không chứa latex. Lò xo gia công làm bằng thép không gỉ chống xoắn. Hình dạng cong. - Ống có đường cân quang dày, vạch chia rõ ràng - Bóng thể tích lớn áp lực thấp (<27cmH₂O) - Có nối tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch tròn đen lớn đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5→ 8.5 (tối thiểu 11 cỡ), đường kính ngoài: 3.3 - 12.3mm, đường kính bóng: 7.0 - 27mm - Tiết khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gấp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	560
121	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000mL	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: PP, PVC, TPE, PE, Styrene acrylonitrile, ABS - Kích thước: khoang chứa 500mL, 1 ống đo 40 - 50mL chia vạch, túi chứa 2000mL - Ống dẫn nước tiểu dài 110 - 130cm - Có vạch chia thể tích - Có van chống trào ngược, màng lọc khuẩn 5µm; van xả chữ T, có cổng lấy mẫu không cần kim - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.100
122	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, tối thiểu 1800mL	Bình chứa dịch dùng trong dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Polystyrene chống sốc - Cấu tạo: bình thẳng đứng, màu trắng trong suốt - Dung tích bình tối thiểu 1800mL - Trên nắp bình có 3 lỗ thông: 01 lỗ thông khí, 01 lỗ hút dịch chân không, 01 lỗ hút dịch từ người bệnh - Cơ chế 1 chiều ngăn không khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. Vạch chia độ. - Kèm dây nối dài 120 - 180cm, mềm, gắn trực tiếp vào bình chứa dịch và 1 đầu gắn vào ống dẫn lưu từ người bệnh, chống xoắn hút áp lực cao không bị tóp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.650
123	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích 800 - 900mL, có đánh dấu các vạch thể tích - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
124	Túi làm ấm máu trong lọc máu	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer hình nón - Thể tích mỗi của túi: 27 mL ± 10%. Có thể sử dụng tối đa 72 giờ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	90
125	Ống cho ăn, bằng polyurethane, cỡ 15Fr	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone - Kích cỡ: 15Fr (đường kính trong 3.5 ± 0.1mm), chiều dài khoảng 100 - 120cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cân quang, có dây dẫn đường dạng xoắn ốc - Cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.900
126	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài khoảng 180 ± 5cm	Dây truyền dịch tránh ánh sáng dùng trong tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư - Chất liệu: PUR, không chứa DEHP, tránh ánh sáng - Chiều dài dây: khoảng 180 ± 5cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đường kính ngoài khoảng 4mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng 15-16µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuổi khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	900
127	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cỡ	Kim sinh thiết, dùng cho sinh thiết mô mềm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ - Cỡ: 14 - 22G (tối thiểu phải có 3 cỡ: 16G, 18G, 20G), dài khoảng 10 - 20cm - Đầu kim sắc bén, cân tia X, tia siêu âm. Đầu kim dẫn đường vát 3 mặt. Đầu trên của kim có đầu Luer Lock bằng nhựa trong. Có nút nhựa trượt để đánh dấu - Thân kim cứng chắc, có đánh dấu độ sâu, có hai mức độ sâu khi sinh thiết: khoảng 10mm và 20mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	55
128	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ 30G, dài 25 - 26mm, dùng cho máy Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ - Chất liệu: Ống kim bằng thép không gỉ, phủ silicone. Cầm biến bằng bạc giúp ổn định mức trở kháng. Chuôi kim bằng Copolymer of Acrylonitrile, Butadiene, and Styrene (ABS). Chất cách điện: Epoxy. Vỏ bảo vệ bằng Low - Density Polyethylene (LDPE). Đầu nối bằng đồng/mạ vàng, kiểu kết nối: pin 0.9mm. Kim được sản xuất robotic, mũi kim được thiết kế để giảm áp lực đâm kim, giảm đau cho bệnh nhân. - Kích cỡ: dài 25 - 26mm, đường kính kim 0.30 - 0.32mm, 30G, diện tích ghi 0.02 mm², mũi vác 13° - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn bằng phương pháp E-beam - Đạt tiêu chuẩn môi trường: không latex, không PVC - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	270

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
129	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng, 5F, 6F	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng bao gồm: - Catheter chất liệu polyurethane, kích cỡ 5F, 6F nòng catheter 18G, chiều dài khoảng 50 cm - 60 cm thể tích mỗi khoảng 0.5ml - 1 ml, tốc độ truyền dịch mỗi nòng khoảng 500 ml/giờ - 1000 ml/giờ, thiết kế hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gãy - Dây dẫn bằng thép không rỉ, chiều dài khoảng 68cm - 135 cm - Thông nòng khoảng 8cm - 12 cm - 01 Dao - 01 kim dẫn đường 21G - Có nắp đậy cho mỗi nòng catheter - Có thiết bị cố định phù hợp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	60
130	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường bằng polyurethane, cỡ 20G, 22G dài 13 - 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường dùng cho trẻ em - Catheter polyurethane, dây dẫn bằng hợp kim Nickel-Titan - Catheter 20G x 1.15mm, 22G x 0.9mm, dài 13 - 15cm, dây dẫn dài 45cm x 0.018" (0.45mm) - Cây nòng 4Fr x 5cm, kim dẫn đường 21G x 4cm - Có đường cân quang, dây dẫn đầu J mềm linh hoạt chống gấp - Tốc độ dòng: 20G khoảng (15 - 25ml/ph); 22G khoảng (7.2 - 11.25ml/ph), bơm tiêm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
131	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 1 nòng, cỡ 4F, 5F	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 1 nòng: - Catheter chất liệu polyurethane, kích cỡ 4F, 5F nòng catheter 18G, chiều dài khoảng 50 cm - 60 cm, thể tích mỗi 0.5 ml - 1 ml, tốc độ truyền dịch tối đa 1.200 - 1.500 ml/giờ, thiết kế hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gãy - Dây dẫn bằng thép không rỉ, chiều dài khoảng 70 cm - 135 cm - Thông nòng khoảng 10 cm - 12 cm - 01 Dao - 01 kim dẫn đường 21G - Có nắp đậy cho mỗi nòng catheter - Có thiết bị cố định phù hợp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	40
132	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	Kim chọc dò ối để lấy mẫu nước ối - Kim 21G, dài 90 - 150 mm - Trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	135
133	Kim lấy thuốc nhiều lần	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần - Thân kim bằng ABS hoặc SAN; nắp đậy bằng PP; nắp bảo vệ và tem van: PE; tấm lọc acrylic copolymer trên thân làm bằng nylon; đĩa van bằng silicone - Có 2 màng lọc 0.45 - 0.46µm lọc không khí và 5 - 5.1µm lọc tiểu phân - Có van một chiều giúp tránh rò rỉ thuốc khi chai bị dốc ngược - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
134	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng isoprene + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính cổng bơm thuốc) khoảng 180 - 182mm, OD của vỏ khoảng 42 - 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng 0.9 ± 0.1mm, OD của dây khoảng 2.5 - 3.0 mm - Tốc độ truyền: 2 ± 0.1 mL/h - Trọng lượng pump khoảng: 49 ± 0.5g - Có vạch chia thể tích - Có màng kỵ nước hydrophobic đuổi khí tự động - Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2µm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	400
135	Bơm tiêm khí máu động mạch 1mL tự động hút máu, có kim 25G, Lithium Heparin	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, kim 25G - Chất chống đông: Lithium Heparin - Chiều dài kim: 15.5 - 16.0mm - Pit tổng tự thoát khí - Thể tích: 1mL - Hàm lượng chất chống đông: 30 IU - Có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	13.000
136	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, 3mL	Bơm tiêm dầu xoắn, không kim, thể tích 3mL - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pit tổng bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng - Đường kính trong của bơm tiêm: 8 - 10mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pit tổng bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	13.000
137	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
138	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 10 x 15 x 3 cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 10 x 15 x 3 cm (±05%) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
139	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 20 x 15 x 3cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 20 x 15 x 3cm (±05%) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 05 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	75
140	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, phủ bạc, cỡ 18 x 12.5 x 3.2cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, có phủ bạc 10 - 15 %, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước xốp 18 x 12.5 x 3.2cm (±05%) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 2 Băng dán cố định trong suốt 30 x 26cm (±05%) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30
141	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur, 34x35cm	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.115 " 0.200mg/cm ² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước: băng 34 x 35cm (± 05%), tổng thể 44 x 35cm (± 05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	600
142	Gạc lưới lipido-collloid, 15 x 15cm (±0.5)	Gạc lưới lipido-collloid - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5) - Chất liệu: lipido-collloid được bảo vệ bởi hai lớp màng trong suốt - Đặc tính: lưới thoáng khí có thể kéo dài nhiều lần - Tải trọng tối đa ≥ 30 cN/cm - Tải trọng tối đa ≥ 300% - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: +ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	200

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
143	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi cút - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 10 x 11cm, tráng lớp keo tráng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 14 x 15cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85mL - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	200
144	Gạc xốp lipido-colloid, 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp lipido-colloid, dùng cho vết thương do loét tỷ dè, loét bàn chân tiểu đường có kích thước <10cm - Chất liệu: lipido-colloid hàm lượng 0.8 - 1.8mg/cm² loại hydrocellular - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Cấu tạo: lớp xốp mềm kết hợp với lớp xốp thấm hút polyurethane không dệt - Khả năng thấm hút dịch từ ít đến trung bình - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	1.300
145	Gạc xốp Lipido-colloid vi bám dính, 10 x 12cm (±0.5)	Gạc xốp Lipido-colloid, dùng cho vết thương cấp tính tiết dịch, bỏng, vết thương do chấn thương, vết mổ và các vết thương do bệnh ung thư gây nên, vết thương mãn tính. - Chất liệu: lớp xốp polyurethane siêu thấm và lớp lipido-colloid vi bám dính - Lực vi bám dính: 2.5 - 7.5 kPa - Khối lượng tấm 180g/m² ± 40g/m² - Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ ≥ 4300g/ m² - Kích thước: 10 x 12cm (±0.5) - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	1.900
146	Gạc xốp (foam), 3 lớp, cỡ 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương tiết dịch - Thành phần: Polyurethane, Silicone - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết + Lớp dính 100% silicone - Kích thước 10 x 10 cm (±0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6.8 - 7.0 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 26 - 28 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	460

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
147	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, có lớp dính silicone cỡ, 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, dùng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.0 - 1.2 mg Ag/cm²) - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoát khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam thấm hút có tấm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính 100% silicone, không dính lên nền vết thương - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 5.5 - 6.0 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 5 - 6 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	360
148	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cho vùng cùn cụt, có lớp dính silicone, cỡ 16 x 20 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) điều trị loét cho vùng cùn cụt dùng cho phòng ngừa và điều trị tổn thương tỷ đè - Kích thước: 16 x 20 cm (± 0.5) - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane + Lớp lưu trữ dịch + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicon mềm - Tổng diện tích bao phủ 220 - 250 cm² - Diện tích vùng thấm hút: 120 - 130 cm² - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	340
149	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5cm)	Gạc xốp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút + Lớp lưu trữ dịch, có đường cắt chữ Y giúp băng co giãn 360 độ linh hoạt, hỗ trợ vận động + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Diện tích vùng thấm hút: 72 - 75 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	385
150	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm (±0.5%), dày 1.5 ± 0.2mm	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel tạo hàng rào ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn, virus và các chất ngoại lai khác - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp polyurethane ngoài cùng không thấm nước, lớp foam. - Lớp bám dính chứa polyme - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5%), dày 1.5 ± 0.2mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
151	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm (±05%), dày 0.3 - 0.8mm	Gạc Hydrocolloid - Chất liệu: gelatin, carboxymethyl-cellulose và pectin, dày 0.3 - 0.8mm, có màng film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Đặc điểm: không dính, không thấm nước - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) hoặc ISO 13485:2016 hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc ISO 13485:2016	Miếng	350
152	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 6 x 8 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 6 x 8 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	230
153	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 20 cm (± 0.5)	Băng vết thương thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 20 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Diện tích thấm hút: 75 - 80 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	490
154	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 25 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 25 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	475

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
155	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp, che chân dẫn lưu	Gạc phẫu thuật không cản quang sử dụng che chân dẫn lưu: - Chất liệu: 100% sợi cotton, vải không dệt, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 7.5 x 7.5 cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 10 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ít nhất 05 giây - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	20.000
156	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng cuộn tròn, 8 x 20cm, 4 - 6 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng cuộn tròn - theo kích thước chiều dài - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước 8 x 20cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cản quang - Trọng lượng: 30 - 35g/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	17.000
157	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút dịch tiết, dùng trong điều trị vết thương - Thành phần: Calcium alginate không dệt - Kích thước: 10 x 10cm (± 05%), dày: 1 - 3 mm - Khả năng hấp thụ / 100 cm² gạc: ≥ 12 mL - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	400
158	Gạc Alginate, có chứa bạc, cỡ 10 x 20cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 15cm - Thành phần : Alginate Non-Woven Pad 30 - 60% + Carbonmethylcellulose (CMC) 7 - 13% + Sợi nylon trắng bạc < 10% - Kích thước: 10 x 20cm (±05%) - Giải phóng liên tục bạc trong 7 ngày - Bã kháng khuẩn không kết dính, không kết dính giữa vết thương và băng gạc - Hiệu quả chống lại mầm bệnh vết thương gồm: MRSA , MRSE, VRE - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	110
159	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 10.25cm - 12.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 10.25 - 12.5cm - Thể tích: 205cc - 450cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	54

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
160	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, thể tích 130cc - 415cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 130cc - 415cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	172
161	Miếng đặt vùng mũi	Miếng đặt vùng mũi Chất liệu: silicone y tế dạng thanh. Hình dạng có trụ mũi hoặc không trụ mũi Kích thước: - Độ dày: 4 - 8 mm - Chiều dài: 51 - 60 mm - Chiều ngang: 9.3 - 10.9 mm - Đạt chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) hoặc chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp hoặc Đạt chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	180
162	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt, chống tĩnh điện - Thể tích: 145 - 150mL - Van hít 1 chiều kháng lực thấp - Mặt nạ Silicone có mép cong giúp ôm khít và thoải mái, trên mặt nạ có van thở giúp định hướng dòng khí thở ra. Mặt nạ các cỡ cho người lớn, cho trẻ từ 1-5 tuổi, cho trẻ < 18 tháng. - Còi cảnh báo khi hít quá mạnh (có trên loại mặt nạ lớn) - Đầu gắn silicon tương thích với nhiều loại bình pMDI: (Seretide, Ventolin, Flixotide, Rapihaler, Formonide, Forair, Combiwave...) - Buồng đệm có thể tháo rời để làm sạch - Thời gian sử dụng theo khuyến cáo: 12 tháng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	60
163	Buồng làm ấm kèm dây thở có kiểm soát nhiệt, có phun khí dung	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt có cổng phun khí dung - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Buồng làm ấm có cổng gắn đầu phun khí dung với nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung của hãng Aerogen. - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp giữ gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Chiều dài dây thở tối thiểu 1.8 m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	100
164	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/ mô (rSO2) - Phân tích tín hiệu và dò tìm tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu - Cảm biến sự thay đổi về tưới máu ≤ 1.5 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
165	Kèm sinh thiết khí phế quản	Kèm sinh thiết khí phế quản - Đầu kèm hình oval, có lỗ bên hoặc có cửa sổ 2 bên - Kèm có răng cưa, độ mở ngàm 5 - 6 mm - Đường kính 1.7 - 1.9 mm. Chiều dài 120 - 160 cm - Có vỏ bọc toàn thân - Tiệt khuẩn - Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.0 mm - Tương thích với ống soi khí quản của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	788
166	Bao kính hiển vi, chất liệu nhựa PE 150x200cm	Bao chụp kính hiển vi - Chất liệu nhựa PE, màu trắng - Cỡ 150 x (200 - 205) cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200
167	Gel điện cơ	Gel điện cơ, điện não giúp tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh - Thành phần: Water, Cetareth-20, Glycerin, Hydrated silica, Calcium carbonate, Paraffinum liquidum, Dimethicone, Hydroxyethylcellulose, Sodium chloride, Potassium chloride, Phexyethanol, Ethylhexylglycerin - Chất liệu dạng: gel - PH: 6.5 - 7.5 - Độ nhớt: >100.000 cP - Thể tích lọ tối thiểu 220g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	20
168	Tấm lót giường bằng spunbond, (80-85) x (220-230)cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunbond - Kích thước: rộng 80 - 85cm, dài 220 - 230cm, 25 ± 0.5gsm Spunbond - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	3.500
169	Khẩu trang dây cột	Khẩu trang y tế dây cột - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dầu chỉ xơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Gồm 4 dây cột dài khoảng 40 - 45cm, Kích thước 90 x 175mm, mở rộng > 18cm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 8389-1:2010 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	25.000
170	Viên đặt trực tràng, 2.5gr	Viên đạn đặt trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng của bệnh trĩ - Thành phần: Sucralfate, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), Witepsol W25 (chất nền của viên đạn),... - Dạng viên đặt - Khối lượng: 2.5gr - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Viên	2.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
171	Mỡ thoa trực tràng	Mỡ thoa trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng và các biến chứng của bệnh trĩ - Thành phần: Sucralfat, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), vaseline trắng, sáp ong trắng, nước tinh khiết, caprilil glycol,... - Dạng mỡ - Khối lượng: 25 - 30 gam (kèm dụng cụ bôi bằng nhựa để gắn vào tuýp) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	100
172	Bút đánh dấu dùng 1 lần	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật dùng đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Vật tư đi kèm: thước đo - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
173	Đầu phun khí dung	Đầu phun khí dung - Kích thước: 67 x 48 x 25 mm ($\pm 10\%$) - Khối lượng: ≤ 14 gr - Thể tích chứa thuốc: 6 - 7mL - Kích thước hạt trung bình: 3.0 - 3.2 μm - Tốc độ phun thuốc: > 0.2 mL/phút - Thể tích cần thấp: < 0.1 mL khi phun 3mL thuốc - Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	190
174	Bộ phun khí dung cho máy thở	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối - Chất liệu: nhựa PP hoặc PE hoặc PVC - Bầu chứa thuốc: hình trụ, cao 74 ± 2 mm, rộng 42 ± 2 mm, có vạch chia thể tích 2 - 10mL, phần nắp bầu kết nối với bầu phun, hạn chế lượng thuốc tổn động, giảm hao phí thuốc - Dây nối nguồn dài khoảng 1.8 - 2.0m, tương thích với hệ thống khí nguồn của Bệnh viện - Đặc tính: đường kính hạt thuốc khoảng 2.7 - 2.8 μm (lưu lượng 8 lít/ phút), đảm bảo không rò rỉ thuốc - 01 ống ngậm miệng, 1 đầu đẹp, 1 đầu cỡ 22M tương thích với co nối chữ T - Không chứa chất latex - Không chứa chất phthalate - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
175	Bao chỉ gói trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chỉ gói trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 48 - 50cm, không có chất cao su, không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây - Tạo áp lực (73- 63-45) mmHg, thời gian giữ 6 - 7 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	400

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
176	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau, dùng chứa thuốc giảm đau kiểm soát đau sau mổ - Túi chứa bằng nhựa PVC mềm, không có DEHP, không Latex, chứa được thuốc giảm đau đến 200mL - Dây truyền dịch chống gấp dài khoảng 150 - 180cm - Có sensor cảm biến áp lực, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 0.2 μm hoặc 1.2 μm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	300
177	Kim đánh dấu u vú	Kim đánh dấu u vú - Chiều dài tổng thể: 240.5 - 241.0mm - Ống thông (cannula): Chiều dài: 100.5mm, Đường kính bên ngoài: 2.0 - 3.0mm - Nút số 1: độ sâu 22.5 - 22.8mm - Nút số 2: + Chiều dài: 11 - 12mm + Đường kính bên ngoài: 8mm - Marker tip: Chiều dài: 6mm, Đường kính bên ngoài: 1.83 - 1.85mm Thành phần: 1. Applicator - Ống thông (cannula): + Thép không gỉ 304 + Dầu bôi trơn: Heptane, Polydimethylsiloxan - Kim thăm (Stylet): Thép không gỉ 304. Dầu bôi trơn Heptane, Polydimethylsiloxan 2. Đầu đánh dấu (Marker tip): - Thân: Cao su Silicon (Silicone elastomer), Sắc tố xanh lam (chất tạo màu), Bari sulfate - Pin: Titanium 3. Lẫy (handle): Polycarbonate 4. Nút 1, 2: Polycarbonate, Sắc tố xanh lam (chất tạo màu) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20
178	Bột tan dính màng phổi loại 3g kèm bóng và cannula	Bột tan dính màng phổi loại 3g kèm bóng và cannula: - Thành phần: bột tan với kích thước hạt trung bình 25μm - Thể tích tối thiểu 3g - Đi kèm: bóng xịt và cannula - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
179	Bột tan dính màng phổi loại 3g	Bột tan dính màng phổi - Thành phần: bột tan với kích thước hạt trung bình 25μm - Thể tích tối thiểu 3g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	4
180	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ, không sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán bệnh trào ngược dạ dày thực quản trong trường hợp người bệnh không sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày, dùng cho người bệnh có chiều dài thực quản ≥ 18 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (±5cm) - Đường kính: 6.4 FR/2.13 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH thực quản vị trí 15 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH 24 giờ của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và chứng nhận FDA	Cái	80

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
181	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược họng thanh quản	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược họng thanh quản, dùng cho người bệnh có chiều dài thực quản 20-22 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (±5cm) - Đường kính: 6.9 FR/2.3 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH thực quản (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH thực quản vị ở vị trí -19 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH 24 giờ của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và chứng nhận FDA	Cái	550
182	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ, có sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược họng thanh quản trong trường hợp người bệnh đang sử dụng thuốc ức chế acid, dùng cho người bệnh có chiều dài thực quản ≥ 18 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (±5cm) - Đường kính: 6.9 FR/2.3 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH dạ dày vị trí -15 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH và trở kháng 24 giờ của Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và chứng nhận FDA	Cái	15
183	Dung dịch đệm pH hiệu chuẩn cho đo pH, trở kháng 24 giờ	Dung dịch đệm pH hiệu chuẩn cho đo pH, trở kháng 24 giờ - Gồm 2 dung dịch để sử dụng với hệ thống kiểm tra hồi lưu Z/pH hoặc pH và ống thông, cụ thể: pH4 dung tích 500ml và pH7 dung tích 500ml - Tương thích với máy đo pH và trở kháng 24 giờ của Bệnh viện	Chai	30
184	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 10 ml	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu - Lượng máu: 10 ml thu nhận được trong khoảng 5 - 6 ml PRP - Chức năng: phục hồi tiểu cầu > 90%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT <1% - Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM - Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ông	150
185	Vít rỗng đầu chìm đường kính 2.5 → 6.5mm	Vít rỗng - Chất liệu Titanium - Đường kính từ 2.5mm đến 6.5mm, có ≥ 5 cỡ - Chiều dài trong khoảng 8 - 120mm - Lòng vít rỗng, đầu vít chìm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
186	Vít rỗng đường kính 3.0 → 6.5mm	Vít rỗng - Chất liệu Titanium - Đường kính có ≥ 4 cỡ và từ 3mm đến 6.5mm - Chiều dài trong khoảng 10 - 130mm - Lòng vít rỗng, tự khoan, tự taro Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
187	Vít neo chôn chỉ sụn viên toàn chỉ	Vít neo chôn chỉ sụn viên toàn chỉ - Chất liệu UHMWPE - Đường kính: trong khoảng 1.7 - 1.8mm - Kèm chỉ sửa chữa số 2 - Lực kéo bật 225N (± 5N) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
188	Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng cho máy NIMEclipse, dài ≥ 2.5m	Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật - Chiều dài ≥ 2.5m - Đầu có dạng hình xoắn ốc, nối với dây dẫn - Tương thích với hệ thống máy NIMEclipse của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	450

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
189	Miếng và màng cứng kích thước 2.5 x 10cm	Miếng và màng cứng trong suốt - Chất liệu collagen tự tiêu có nguồn gốc từ gân ngựa, hàm lượng 140mg - Kích thước: 25 x 100 mm ($\pm$ 01 mm) - Tự dính - Thời gian hấp thụ trong vòng 6 – 8 tuần Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
190	Miếng và màng cứng kích thước 5 x 10cm	Miếng và màng cứng trong suốt - Chất liệu collagen tự tiêu có nguồn gốc từ gân ngựa, hàm lượng 280mg - Kích thước: 50 x 100 mm ($\pm$ 01 mm) - Tự dính - Thời gian hấp thụ trong vòng 6 – 8 tuần Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
191	Miếng và màng cứng kích thước 10 x 10cm	Miếng và màng cứng trong suốt - Chất liệu collagen tự tiêu có nguồn gốc từ gân ngựa, hàm lượng 560mg - Kích thước: 100 x 100 mm ($\pm$ 01 mm) - Tự dính - Thời gian hấp thụ trong vòng 6 – 8 tuần Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
192	Keo sinh học dán màng cứng 6ml dạng bột kèm dung môi	Keo dán màng cứng sinh học vùng não và cột sống - Hỗn hợp gồm: Polythylene Glycol (PEG), ϵ -polylysine và polyethyleneimine (PEI) Dung dịch trộn gồm: + Dung dịch PEG: Nước vô trùng + bột PEG + Dung dịch PEI: Dung dịch PEI + dung dịch ϵ -polylysine - Tự tiêu tối đa 21 ngày. - Thời gian tạo Gel: trong vòng 5 - 6 giây. - Bộ gồm bơm tiêm kép lắp sẵn 2 ống trộn, có chứa dung dịch pha. Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	40
193	Miếng và khuyết sọ 210 x 200 x 0.6mm ($\pm$ 05%), dạng 3D	Miếng và khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 210 x 200 x 0.6mm ($\pm$ 05%) Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	14
194	Miếng và khuyết sọ 160 x 150 x 0.6mm ($\pm$ 05%), dạng 3D	Miếng và khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 160 x 150 x 0.6mm ($\pm$ 05%) Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	14

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
195	Khớp háng toàn phần, chuỗi dài 200-300mm phủ titanium và HA, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm nẹp rá ổ cối hình chữ thập	Bộ khớp háng toàn phần 1. Chuôi - Chất liệu: Hợp kim Titanium, phủ HA và Titanium - Có ≥ 03 cỡ - Chiều dài $\geq 200\text{mm}$, trong đó có cỡ trong khoảng 280 - 300mm - Góc cổ thân: trong khoảng $125^\circ - 135^\circ$ - Thân chuỗi có ≥ 2 lỗ bắt vít- Chuôi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh. Vít điều chỉnh: đường kính $\leq 5.5\text{mm}$, dài 28-55mm 2. Chôm - Chất liệu thép không gỉ 3. Ổ cối + Nẹp rá - Ổ cối: + Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum + Kích cỡ: 44-60 - Nẹp rá ổ cối: + Vật liệu: thép không gỉ - Hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ - Có ≥ 03 cỡ dành cho bên phải hoặc bên trái 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Thiết kế: miếng lót và chỏm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chỏm chuyển động trong lớp đệm 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	bộ	5
196	Khớp háng toàn phần, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm nẹp rá ổ cối hình chữ thập	Bộ khớp háng toàn phần 1. Chuôi - Chất liệu bằng Titanium, phủ HA và lớp bột Titanium - Có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 80 - 90mm - Góc cổ thân khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chôm - Chất liệu thép không gỉ 3. Ổ cối + Nẹp rá - Ổ cối: + Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum + Kích cỡ: 44-60 - Nẹp rá ổ cối: + Vật liệu: thép không gỉ - Hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính $\geq 5.0\text{mm}$ - Có ≥ 03 cỡ dành cho bên phải hoặc bên trái 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Thiết kế: miếng lót và chỏm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chỏm chuyển động trong lớp đệm 5. Xi măng Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	bộ	5
197	Khớp bàn tay - ngón tay nhân tạo	Khớp bàn tay - ngón tay nhân tạo - Chất liệu: Silicon y tế - Chiều rộng: Trong khoảng 12 mm - 18 mm - Chiều dài: Trong khoảng 35 mm - 75 mm - Đúc liền khối gồm một vùng uốn ngang, tiết diện tròn. - Hai đầu gần và xa có cuống hình nón, bề mặt nhẵn. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
198	Khớp cổ - bàn tay nhân tạo	Khớp cổ - bàn tay nhân tạo - Chất liệu: Silicon y tế - Đường kính: Trong khoảng 13 mm - 15 mm, tối thiểu có 3 cỡ - Chiều dài: Trong khoảng 28 mm - 35 mm - Đúc liền khối gồm một phần thân hình trụ có hõm khớp. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
199	Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị được cấy ghép và điều trị chứng động kinh kháng thuốc - Chất liệu: Vỏ ngoài Titanium, được hàn kín. Đầu nối bằng Polyurethane. Khe kết nối bằng thép không gỉ - Khối lượng: 14 - 20g - Nguồn kích thích: 3.3 V, mạch hở - Dung lượng định mức: 1.7 A trong 1 giờ - Dòng điện kích thích: từ 0 - 2.0 mA theo bước 0.125 mA, từ 2.0 - 3.5 mA theo bước 0.250 mA. - Có 5 chế độ kích thích: Chế độ thông thường, Chế độ kích thích bằng nam châm, Chế độ Autostim, Chế độ Ngày/Đêm và Chế độ cài đặt kích thích theo lịch trình - Cho phép ghi và lưu lại các sự kiện nhịp tim thấp và tư thế nằm sấp của người bệnh Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	14
200	Bộ điện cực kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ điện cực kích thích dây thần kinh phế vị - Dây điện cực dài 40 - 45 cm - Thân điện cực: Vỏ ngoài bằng Silicon, được cấu tạo bởi 4 sợi xoắn - Điện cực vòng xoắn: gồm 2 điện cực âm, dương và 1 chân neo, vật liệu dẫn điện hợp kim Platinum/Iridium - 02 sợi chỉ Polyester để phân biệt điện cực âm và dương - 04 Kẹp cố định thân dây điện cực vào mô - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	14
201	Dụng cụ luồn dây dẫn điện cực kích thích dây thần kinh phế vị	Dụng cụ luồn dây dẫn điện cực kích thích dây thần kinh phế vị Bao gồm: + 01 Dụng cụ luồn bằng vật liệu thép không gỉ và đầu tip có thể tháo rời. + 02 Ống bọc dụng cụ loại lớn và nhỏ với vật liệu Polymer Fluorocarbon. - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	14
202	Nam châm dành cho bệnh nhân sau khi cấy ghép hệ thống kích thích dây thần kinh phế vị	Nam châm dành cho bệnh nhân sau khi cấy ghép hệ thống kích thích dây thần kinh phế vị dùng để bổ sung xung kích thích. Bao gồm: + Nam châm: 02 Cái + Dây đeo cổ tay: 01 Cái + Kẹp thắt lưng: 01 Cái - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu	Bộ	14
203	Bộ phụ kiện dùng cho máy chỉnh kích thích dây thần kinh phế vị	Bộ phụ kiện dùng cho máy chỉnh kích thích dây thần kinh phế vị được sử dụng để kiểm tra máy kích thích và bộ điện cực trong quá trình phẫu thuật cấy ghép. Bao gồm: + Tuốc nơ vít lục giác: 01 Cái + Điện trở kiểm tra: 01 Cái + Kẹp cố định: 04 Cái - Tương thích với "Bộ điều khiển kích thích dây thần kinh phế vị" tại danh mục mời thầu	Bộ	14
204	Điện cực sâu cấp đông, 8 điểm tiếp xúc	Điện cực sâu cấp đông, 8 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum và Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 3 - 3.5 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 26 - 27 mm - Thời gian đặt vào trong não ≤ 2 tuần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
205	Điện cực sâu cấp đông, 10 điểm tiếp xúc	Điện cực sâu cấp đông, 10 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum và Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 3 - 3.5mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 33 - 34 mm - Thời gian đặt vào trong não ≤ 2 tuần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14
206	Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc	Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum và Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 3 - 3.5 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 40 - 41 mm - Thời gian đặt vào trong não ≤ 2 tuần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14
207	Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc	Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum và Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 3 - 3.5 mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 50 - 51 mm - Thời gian đặt vào trong não ≤ 2 tuần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14
208	Điện cực sâu cấp đông, 18 điểm tiếp xúc	Điện cực sâu cấp đông, 18 điểm tiếp xúc dùng ghi tín hiệu điện não sâu trong sọ và có thể sử dụng để đốt hỗ trợ loại bỏ vùng động kinh - Chất liệu Platinum và Iridium - Kích thước điểm tiếp xúc 2 mm - Khoảng cách giữa các đầu điểm tiếp xúc khoảng 3 - 3.5mm - Đường kính điện cực khoảng 0.8 - 1.0 mm - Chiều dài khoảng 70 - 71 mm - Thời gian đặt vào trong não ≤ 2 tuần - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14
209	Cáp kết nối điện cực não sâu loại 8 điểm tiếp xúc, dài 150 - 200 cm	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 8 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 150 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 8 điểm tiếp xúc" tại danh mục mời thầu	Cái	14
210	Cáp kết nối điện cực não sâu loại 10 điểm tiếp xúc, dài 150 - 200 cm	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 10 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 150 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 10 điểm tiếp xúc" tại danh mục mời thầu	Cái	14
211	Cáp kết nối điện cực não sâu loại 12 điểm tiếp xúc, dài 150 - 200 cm	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 12 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 150 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 12 điểm tiếp xúc" tại danh mục mời thầu	Cái	14
212	Cáp kết nối điện cực não sâu loại 15 điểm tiếp xúc, dài 150 - 200 cm	Cáp kết nối điện cực sâu nội sọ loại 15 điểm tiếp xúc - Chiều dài khoảng 150 - 200 cm - Đầu cắm cách nhiệt - Tương thích với "Điện cực sâu cấp đông, 15 điểm tiếp xúc" tại danh mục mời thầu	Cái	14

DANH MỤC MỖI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mỗ chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
213	Sụn chêm nhân tạo đường kính ngoài trong khoảng 34 - 36 mm	Sụn chêm nhân tạo tự tiêu - Chất liệu: Polycaprolactone hoặc Urethane - Đường kính ngoài: trong khoảng 34 - 36 mm - Đường kính trong: trong khoảng 13 - 15 mm - Chiều rộng: 26.0 mm - Chiều cao vành ngoài: 7.9 ± 0.5 mm - Chiều cao vành trong: 1.6 ± 0.2 mm - Chiều rộng vành: 11 mm - Thời gian tự tiêu: Trong vòng 4 - 6 năm - Đóng gói: Thuốc đo sụn chêm và dụng cụ định hướng thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
214	Sụn chêm nhân tạo đường kính ngoài trong khoảng 44 - 46 mm	Sụn chêm nhân tạo tự tiêu - Chất liệu: Polycaprolactone hoặc urethane + Đường kính ngoài: trong khoảng 44 - 46 mm + Đường kính trong: trong khoảng 24 - 26 mm + Chiều rộng: trong khoảng 22 - 23 mm + Chiều cao vành ngoài: 7.9 ± 0.5 mm + Chiều cao vành trong: 1.6 ± 0.2 mm + Chiều rộng vành: 10mm - Thời gian tự tiêu: Trong vòng 4 - 6 năm - Đóng gói: Thuốc đo sụn chêm và dụng cụ định hướng thước đo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
215	Vít chốt neo cố định khớp cùng đòn không buộc chỉ	Vít chốt neo cố định khớp cùng đòn không buộc chỉ - Chất liệu titanium. - Gồm 2 chốt: + Chốt tròn đường kính trong khoảng 7 - 8mm + Chốt thuôn dài 10.0mm, rộng 3mm, dày 1.5mm (± 0.5 mm) - Kèm chỉ siêu bền số 5 - Chịu lực 795N (± 5 N) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
216	Điện cực ghi và kích thích linh hoạt dùng trong phẫu thuật cột sống u tủy, ghi D-wave	Điện cực ghi và kích thích linh hoạt dùng trong phẫu thuật cột sống u tủy, ghi D-wave - Chiều dài cáp ≥ 2000 mm - Đường kính điện cực có tối thiểu cỡ 9mm - Đầu nối đối ứng 1.5 mm dạng Touchproof. - Loại: 2 cực (đen/ đỏ); 3 cực (đen/ đỏ/ xanh lá) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	14
217	Điện cực dán cho ống đặt nội khí quản có 4 kênh cùng với 8 điện cực ghi	Điện cực dán cho ống đặt nội khí quản có 4 kênh cùng với 8 điện cực ghi - Đường kính trong: khoảng 6 - 7mm/ 7 - 9mm - Bề mặt tiếp xúc ống 32 x 29.7mm/ 37.6 x 37mm - Diện tích tiếp xúc điện cực 685/ 1057mm ² Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	14